

Bản án số: 197/2021/DS-PT

Ngày: 16/11/2021

V/v: “*Yêu cầu chia tài sản chung
và huỷ giấy chứng nhận QSD đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2021/TLPT- DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về: “*Yêu cầu chia tài sản chung và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 219/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T; địa chỉ: Nhóm 2, TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- Bị đơn:

1. Ông Hoàng Tấn T và bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Nhóm 2, TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

2. Bà Hồ Thị H; địa chỉ: Nhóm 2, TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo uỷ quyền của bà H: bà Nguyễn Thị N (đồng thời là bị đơn trong vụ án), có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thành phố Đ - Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Ngọc Đ - Chủ tịch UBND thành phố Đ, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Thăng L - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, vắng mặt

2. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình - Người đại diện theo pháp luật: ông Trà Đình P - Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Từ Công Hải L - Chuyên viên Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

3. Chị Hoàng Thị H1, địa chỉ: Nhóm 2, TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

4. Anh Hoàng Tấn H, địa chỉ: Nhóm 2, TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

5. Anh Hoàng Tấn T; đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (hiện tại không biết địa chỉ ở đâu), vắng mặt

6. Anh Hoàng Tấn T1; đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (hiện tại không biết địa chỉ ở đâu), vắng mặt

7. Cụ Trần Thị T2, địa chỉ: Nhóm 2, TDP 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (cụ T2 đã chết ngày 07/5/2021); người đại diện theo uỷ quyền của cụ T2: bà Hoàng Thị K (cụ T2 vắng mặt, bà K có mặt)

8. Bà Hoàng Thị K; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

9. Bà Hoàng Thị M; địa chỉ: phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

10. Bà Hoàng Thị Đ; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt

11. Bà Hồ Thị H2; địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo uỷ quyền: bà Hoàng Thị K (bà H2 vắng mặt, bà K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn bổ sung nội dung khởi kiện đề ngày 18/11/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Năm 2016, gia đình bà Hoàng Thị T phát hiện bà Trần Thị T2 là mẹ chồng bà T đã ký các Hợp đồng tặng toàn bộ diện tích đất được UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho hộ bà Trần Thị T2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q393705 cấp ngày 25/04/2001 cho hai người con đó là vợ chồng anh Hoàng Tấn T chị Nguyễn Thị N và con gái Hồ Thị H. Trong đó: Bà Trần Thị T2 tặng cho vợ chồng Hoàng Tấn T và Nguyễn Thị N diện tích tạm tính là 673,0m² (gồm 160m² đất ở và 513m² đất vườn); Bà Trần Thị T2 tặng cho bà Hồ Thị H diện tích đất tạm tính là 113,5m² (trong đó 40,0m² đất ở và 73,5m² đất vườn). Đây là diện tích đất mà hộ bà Trần Thị T2 được cấp do thuộc diện gia đình chính sách, vì bố chồng bà T là liệt sỹ Hoàng Tấn L, hy sinh năm 1965 tại chiến trường Lào và được nhà nước cấp bằng Tổ quốc ghi công. Việc bà T2 tự ý tặng cho quyền sử dụng đất được nhà nước cấp cho hộ gia đình đối với hai người con riêng sau này của bà là vi phạm nghiêm trọng quy

định của pháp luật về quyền tài sản của cá nhân. Trong đó, những người ảnh hưởng trực tiếp là chồng bà T và các anh, em của chồng Bà (con của liệt sỹ Hoàng Tấn L).

Theo bà T trình bày thì bà Trần Thị T2 và ông Hoàng Tấn L kết hôn với nhau trước những năm 1960. Sau kết hôn, bà T2 và ông Hoàng Tấn L sinh được 4 người con gồm: Hoàng Tấn Đ (*chồng bà T*), Hoàng Thị K, Hoàng Thị M và Hoàng Thị Đào. N 1965, sau khi liệt sỹ Hoàng Tấn L hy sinh tại chiến trường Lào, bà T2 đi bước nữa và sinh được ông Hoàng Tấn T (*sinh năm 1969*). Tiếp sau đó, bà T2 có thêm một đời chồng và sinh thêm được hai người con là Hồ Thị H2 và Hồ Thị H.

Trước năm 1965, bà T2 và ông L đã sinh sống trên khu đất này mà sau này được UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Q393705. Các đời chồng sau của bà T2 cùng về sinh sống trên diện tích đất này và không có đóng góp gì trong việc tôn tạo đất đai, nhà cửa. Những năm tháng sau khi cha hy sinh, mẹ chồng đi thêm bước nữa, chồng bà T - ông Hoàng Tấn Đ đã phải rất vất vả làm lụng, chăm lo ruộng vườn, nhà cửa, phụ giúp bà Trần Thị T2 nuôi dạy các em khôn lớn. Tuy nhiên, đến năm 2009, bà T2 đã tự ý một mình quyết định tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất của hộ gia đình cho hai người con riêng là Hoàng Tấn T và Hồ Thị H. Sau đó, cả bà T2, ông T - bà N, bà H đã lên lút đến Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình để ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà không lấy ý kiến của các thành viên trong gia đình, có chung quyền sử dụng đối với thửa đất được cấp. Khi công chứng việc tặng cho, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình cũng không niêm yết công khai. Trong những năm sau đó, bà Hoàng Thị T yêu cầu các cá nhân trong gia đình bà T2, ông T - bà N, bà H giải quyết, phân chia kỹ phần cho các thành viên hộ gia đình bà T2 trước đây nhưng họ không thực hiện. Điều này gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của những người có quyền lợi liên quan. Vì vậy, bà Hoàng Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết những vấn đề sau đây:

- + Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB749096, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 65, diện tích 113,5m² đã cấp cho bà Hồ Thị H có nguồn gốc từ Hợp đồng tặng cho của bà Trần Thị T2 vì việc tặng cho vô hiệu.

- + Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB749097, thửa đất số 162, tờ bản đồ số 65, diện tích 673,0m² đã cấp cho ông Hoàng Tấn T theo Hợp đồng tặng cho của bà Trần Thị T2 vì việc tặng cho vô hiệu.

- + Chia kỹ phần đối với các thành viên trong hộ gia đình bà Trần Thị T2, gồm bà T2 và bảy người con tại thửa đất số 100, tờ bản đồ 65, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Q393705 do UBND tỉnh Quảng Bình, cấp ngày 25/04/2001.

- Bị đơn ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N, bà Hồ Thị H tại các bản tự khai và tại các phiên hoà giải đều thống nhất trình bày:

Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, tại phường B không phải là tài sản chung của cả gia đình. Thửa đất này là tài sản riêng của bà Trần Thị T2, được ông ngoại (*bố của bà Trần Thị T2*) cho riêng bà T2, bà T2 làm nhà ở từ khoảng năm 1967 cho đến nay. Tuy nhà nước ghi tên hộ bà nhưng do bà T2 không biết đọc chữ nên không yêu cầu Nhà nước sửa lại. Thửa đất chung mà bà Trần Thị T2 và các Ông, Bà lấn chiếm, khai hoang trồng trọt mở mang rộng thêm là đất nhà kho đội 7 Bắc Lộc bỏ hoang trước năm 1983. Thửa đất này đã được bà Trần Thị T2 phân chia cho ông Hoàng Tấn Đ (*con trai cả*). N 1990, ông Hoàng Tấn Đ đã làm giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất nay mang tên chị dâu bà Hoàng Thị T. Thừa đất mang tên bà Trần Thị T2 đã tặng cho ông Hoàng Tấn T và em Hồ Thị H. Hồi đó, bà T2 đã thông qua ý kiến của cả gia đình và được mọi người nhất trí. Đến nay, bà T khởi kiện đề nghị phân chia tài sản chung, các Ông Bà không nhất trí với nội dung khởi kiện.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ gồm bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị K, bà Hoàng Thị Đ và bà Hồ Thị H2 đều thống nhất trình bày:* Thừa đất số 100, tờ bản đồ số 65, tại phường B là đất có nguồn gốc của ông ngoại cho bà T2. N 1965 khi chồng bà T2 (ông Hoàng Tấn L) hy sinh thì bà T2 và các con đang sống nhờ bên nhà chồng, sau đó ông Ngoại thương con (bà T2) nên đã cho bà T2, bà T2 làm nhà ở từ khoảng năm 1967 đến nay. Một mình bà T2 nuôi cả 7 người con trưởng thành và đều đã có gia đình riêng (trừ chị H không có chồng). Việc bà T2 cho con trai (anh T) và con gái (chị H) toàn bộ thừa đất là phù hợp, tất cả các con không ai có ý kiến gì (trừ chị T là con dâu đang khởi kiện đòi đất của bà T2). Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm chị Hoàng Thị H1, anh Hoàng Tấn H trình bày:* Thống nhất ý kiến như ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Đ tại Công văn số 2236/UBND-TNMT ngày 01/12/2020 trình bày ý kiến như sau:*

Theo hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất nộp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND thành phố ngày 13/11/2009, bà Trần Thị T2 đã được UBND tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/4/2001 đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, phường B; bà T2 tặng cho bà Hồ Thị H 113,5 m² đất (trong đó: đất ở 40,0 m², đất vườn 73,5 m²) theo Hợp đồng số công chứng 147, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD và tặng cho ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N 673,0 m² đất (trong đó: đất ở 160,0 m², đất vườn 513,0 m²) theo Hợp đồng số công chứng 146, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình chứng nhận ngày 12/11/2009. Ngày 28/01/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố đã lập biên bản xác định lại ranh giới, mốc giới và đo lại thửa đất để tách thửa đất nói trên thành thửa đất số 161 và 162, tờ bản đồ số 65, phường B. Căn cứ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; đơn xin tách thửa, hợp thửa đất và biên bản xác định lại ranh giới, mốc giới và đo lại thửa đất nói trên, ngày 30/6/2010 UBND thành phố đã cấp Giấy chứng nhận số vào sổ CH00211 cho bà H đối với thửa đất số 161, diện tích 114,2 m²; cấp Giấy chứng nhận số vào sổ CH00212 cho ông T, bà N đối với thửa đất số 162, diện tích 675,5 m² theo quy định.

Theo Giấy chứng nhận đã cấp cho bà H và ông T, bà N ngày 30/6/2010, tổng diện tích của 02 thửa đất nói trên là 789,7 m², đúng với diện tích thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, phường B đã được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận cho bà T2 ngày 25/4/2001. Trình tự, thủ tục tách thửa, cấp Giấy chứng nhận cho bà Hồ Thị H và ông, bà Hoàng Tấn T – Nguyễn Thị N do nhận tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Điều 23

Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Do vậy, đề nghị Toà án căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng cứ do các bên cung cấp và quy định của pháp luật để xét xử vụ án theo quy định.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình tại Công văn số 28/PCC ngày 23/02/2021 trình bày ý kiến như sau:* Trình tự, thủ tục công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 147 quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2009 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 146 quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2009 đã được Công chứng viên chứng nhận đúng quy định pháp luật, bà Trần Thị T2, ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N, bà Hồ Thị H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, có bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q393705, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 00367QSDĐ/84/QĐ-UB do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 25/2/2001.

Với những nội dung trên;

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 13/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 34, 147, 157, 158, 165, 166 và 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 101, 102, 457, 459 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T về huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 749096 tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 65 mang tên bà Hồ Thị H; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 749097 tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 65 mang tên ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N và yêu cầu chia tài sản chung cho các thành viên trong hộ gia đình của cụ Trần Thị T2 (gồm cụ T2 và 07 người con của cụ T2) tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, do UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho “hộ bà Trần Thị T2”, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 393705 ngày 25/4/2001.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2021, bà Hoàng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị T không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo và không rút đơn khởi kiện.

Đ diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 25/4/2001, UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 393705 cho “**Hộ bà Trần Thị T2**” thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, diện tích 789,70 m² tại phường B, thị xã Đ (*nay là thành phố Đ*), tỉnh Quảng Bình (theo Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 25/4/2001 của UBND tỉnh Quảng Bình).

Ngày 12/11/2009, cụ Trần Thị T2 đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, diện tích 789,70 m² tại phường B đối với vợ chồng ông Hoàng Tấn T bà Nguyễn Thị N diện tích 673 m², trong đó đất ở 160 m² và đất vườn 513 m²; tặng cho bà Hồ Thị H diện tích 113,5 m², trong đó đất ở 40 m² và đất vườn 73,5 m². Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình.

Trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Thị T2 với ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N và bà Hồ Thị H, ngày 30/6/2010, UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 749097 thửa đất số 162, tờ bản đồ số 65, diện tích 675,5 m² (đất ở 160 m², đất trồng cây lâu năm 515,5 m²), tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cho ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 749096 thửa đất số 161, tờ bản đồ số 65, diện tích 114,2 m² (đất ở 40 m², đất trồng cây lâu năm 74,2 m²), tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

[2]. Ngày 18/11/2020, bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu “chia thừa kế” thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, diện tích 789,70 m² tại phường B, thị xã Đ (*nay là thành phố Đ*), tỉnh Quảng Bình; vì cho rằng thửa đất số 100 nêu trên là tài sản chung của cha mẹ chồng là ông Hoàng Tấn L (*chết năm 1965*), bà Trần Thị T2.

Ngày 24/5/2021, bị đơn ông Hoàng Tấn T có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu “chia thừa kế” theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 623 Bộ luật dân sự. Theo đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông Hoàng Tấn T thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Hoàng Tấn L đã hết thời hiệu khởi kiện. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện; không yêu cầu “chia thừa kế” mà cho rằng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, diện tích 789,70 m² tại phường B là tài sản chung của hộ (*trong đó có chồng bà ông Hoàng Tấn Đ*) nên yêu cầu “chia tài sản chung” của hộ gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp dân sự về: “chia tài sản chung”; nội dung vụ án có yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[3]. Bà Hoàng Thị T khởi kiện và kháng cáo yêu cầu “chia tài sản chung” và huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N và bà Hồ Thị H ngày 30/6/2010; với lý do: Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, diện tích 789,70 m² tại phường B được UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình nên đây là sản chung của hộ (*trong đó có chồng bà T là ông Hoàng Tấn Đ*) và đây là tài sản chung của hộ nhưng bà T2

tự ý tặng cho ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N và bà Hồ Thị H là trái pháp luật. Tuy nhiên:

[3.1]. Theo lời khai thừa nhận của bà T thì thửa đất số 100 đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Hoàng Tấn L và bà Trần Thị T2, là tài sản riêng của ông L, bà T2; không phải là tài sản do các thành viên trong hộ bà T2 tạo lập. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn trong vụ án là các con bà T2, có tên trong hộ bà T2 tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 393705 ngày 25/4/2001; gồm: bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị K, bà Hoàng Thị Đ, bà Hồ Thị H2, ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N và bà Hồ Thị H cũng thừa nhận thửa đất số 100 đang tranh chấp không phải là tài sản chung của các thành viên trong hộ. Bên cạnh đó, Công văn số 200/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 29/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, xác định diện tích thửa đất số 100 đang tranh chấp được UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận trên cơ sở đất tranh chấp đã sử dụng đất ổn định trước ngày 18/12/1980 và không phải là trường hợp được cấp đất (*giao đất*). Vì vậy, nguyên đơn bà Hoàng Thị T cho rằng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65 cấp cho “*hộ bà*” Trần Thị T2 là tài sản chung của cụ T2 và tất cả những người con trong gia đình cụ T2, trong đó có chồng bà (*ông Hoàng Tấn Đ*) là không có căn cứ. Mặt khác, căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình hộ bà Trần Thị T2 thể hiện tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang tranh chấp (*số Q 393705 ngày 25/4/2001*) thì tên các thành viên trong sổ hộ khẩu không có tên vợ chồng ông Đ, bà T. Bà T cũng thừa nhận từ năm 1990, bà T và ông Đ đã làm nhà ở riêng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà T từ năm 2004. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về chia tài sản chung là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3.2]. Như đã nhận định [3.1], thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, diện tích 789,70m² tại phường B không phải là tài sản chung của hộ bà T2 nên việc bà T2 tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà N và bà H không ảnh hưởng đến quyền lợi nguyên đơn và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Tấn T, bà Nguyễn Thị N và bà H đúng trình tự, thủ tục và đúng theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của của ông T, bà N và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H.

[4]. T nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T. Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Hoàng Thị T phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

[5]. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; HĐXX cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị T và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm;

Áp dụng Điều 101, 102, 457, 459 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T về các yêu cầu sau đây:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 749096 tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 65 mang tên bà Hồ Thị H.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 749097 tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 65 mang tên ông Hoàng Tấn T và bà Nguyễn Thị N.

- Yêu cầu chia tài sản chung cho các thành viên trong hộ gia đình của cụ Trần Thị T2 (*gồm cụ T2 và 07 người con của cụ T2*) tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 65, do UBND tỉnh Quảng Bình cấp cho “hộ bà Trần Thị T2”, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 393705 ngày 25/4/2001.

2. Bà Hoàng Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

Võ Ngọc Thông

Lê Phước Thanh